

SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 31-03-2017

Số CV đến:.....142

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

Trang

- | | |
|--|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05 - 08 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 09 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 10 - 11 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 12 - 42 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 08 năm 2016)

Vốn điều lệ 59.400.000.000 đồng

Vốn thực góp 59.400.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650 382 1983

Fax: 0650 382 1983

Email: ccbd91@yahoo.com.vn

Mã số thuế: 3700149145

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Trần Danh

Ông Trần Thiện Thế

Ông Nguyễn Văn Tài

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Võ Thị Thanh Thảo

Bà Trần Thị Thu Thảo

Bà Lâm Thị Phương Lam

Chức vụ

Trưởng ban kiểm soát

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng:

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Huỳnh Tấn Tài

Bà Đồng Thị Ngân Thương

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông TX. Thuận An và nghĩa trang Triều Châu TX. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở TX. Thuận An và Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

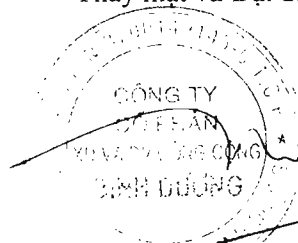
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho Báo cáo tài chính hợp nhất này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 27 tháng 03 năm 2017

Thay mặt và Đại diện Ban Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



Số 16040-1/2016/BCKT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

Kiểm toán viên

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		95.461.334.852	88.885.501.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.391.607.709	14.039.526.954
1. Tiền	111	V.01a	7.191.607.709	4.093.946.398
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.01b	3.200.000.000	9.945.580.556
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.387.815.727	18.122.274.630
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.050.099.607	7.524.945.868
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	2.770.030.567	8.597.669.615
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	9.620.583.653	2.052.557.247
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(52.898.100)	(52.898.100)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		63.479.386.272	54.810.298.282
1. Hàng tồn kho	141	V.06	63.479.386.272	54.810.298.282
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.202.525.144	1.913.402.076
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	376.615.934	113.845.281
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.733.335.247	1.761.965.875
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		92.573.963	37.590.920
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.169.294.163	49.487.110.421
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.783.506.000	2.314.386.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	3.783.506.000	2.314.386.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.574.068.928	22.006.178.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	15.498.383.854	14.472.189.036
Nguyên giá	222		34.644.925.131	31.934.009.885
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.146.541.277)	(17.461.820.849)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	7.075.685.074	7.533.989.578
Nguyên giá	228		10.078.231.700	10.078.231.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.002.546.626)	(2.544.242.122)
III. Bất động sản đầu tư	230		18.631.287.200	18.631.287.200
Nguyên giá	231	V.10	18.631.287.200	18.631.287.200
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		539.746.332	127.299.938
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	539.746.332	127.299.938
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.905.010.000	2.902.510.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V02a	2.960.010.000	3.022.510.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V02a	(55.000.000)	(120.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.735.675.703	3.505.448.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	1.406.925.703	788.573.669
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		2.328.750.000	2.716.875.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.630.629.015	138.372.612.363

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2016	01/01/2016
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		38.353.345.287	34.617.397.624
I. Nợ ngắn hạn	310		10.662.159.804	7.391.212.246
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	806.792.235	413.153.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.145.298.000	821.352.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.066.975.617	1.348.772.403
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2.601.670.636	2.551.650.673
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	668.440.000	450.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	2.309.393.181	41.607.274
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	761.354.304	1.709.639.804
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	12.000.000	12.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	290.235.831	43.036.572
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		27.691.185.483	27.226.185.378
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	7.451.667.083	7.002.941.978
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	239.518.400	223.243.400
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	20.000.000.000	20.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	109.277.283.728	103.755.214.739	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	109.273.873.990	103.751.567.201
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.400.000.000	54.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.400.000.000	54.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.326.511.819	15.530.774.560
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.547.362.171	34.220.792.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.948.053.478	16.263.420.047
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.599.308.693	17.957.372.594
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.409.738	3.647.538
1. Nguồn kinh phí	431		3.409.738	3.647.538
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.630.629.015	138.372.612.363

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

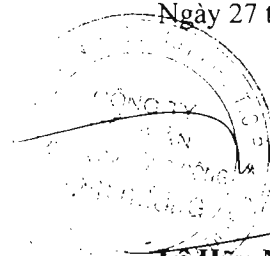

Ngày 27 tháng 03 năm 2017



Võ Thị Thanh Thảo
 Người lập biểu



Đồng Thị Ngân Thương
 Kế toán trưởng

Lê Hữu Nghĩa
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND


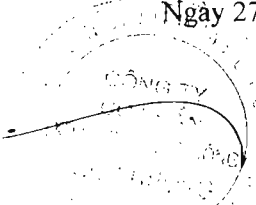
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	509.780.890.193	340.510.964.464
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		509.780.890.193	340.510.964.464
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	476.466.495.754	305.688.811.982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.314.394.439	34.822.152.482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.102.258.961	217.691.827
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.843.304.388	2.003.689.376
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.781.304.388	147.171.726
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	4.230.124.927	3.361.461.767
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	10.233.260.546	8.063.634.751
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.109.963.539	21.611.058.415
12. Thu nhập khác	31	VI.07	1.583.758.664	1.622.754.048
13. Chi phí khác	32	VI.08	484.870.046	552.946.767
14. Lợi nhuận khác	40		1.098.888.618	1.069.807.281
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.208.852.157	22.680.865.696
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.609.543.464	4.723.493.102
17. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.599.308.693	17.957.372.594
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 03 năm 2017


Võ Thị Thanh Thảo
 Người lập biểu


Đông Thị Ngân Thương
 Kế toán trưởng



Lê Hữu Nghĩa
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2016	2015
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		340.693.000.993	204.964.487.658
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(510.260.727.608)	(324.806.890.775)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.116.787.778)	(12.029.587.388)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.671.252.506)	(4.692.033.714)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		233.592.366.520	177.347.012.655
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(38.993.162.913)	(36.127.360.148)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		6.243.436.708	4.655.628.288
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.701.258.314)	(1.006.777.415)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	26.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.457.500.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.102.258.961	142.111.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.056.499.353)	(838.302.508)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.000.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		20.000.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.000.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

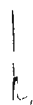
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2016	2015
1	2	3	4	5
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.834.856.600)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.834.856.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.647.919.245)	3.817.325.780
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.039.526.954	10.222.201.174
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		10.391.607.709	14.039.526.954

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

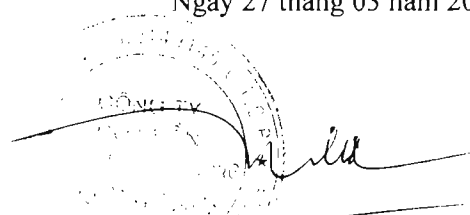
Ngày 27 tháng 03 năm 2017



Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu



Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng



Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Dựng và Dịch Vụ Công Cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 08 năm 2016)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ: 59.400.000.000 VND

- Vốn thực góp: 59.400.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 91 Thích Quảng Đức, Phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghĩa trang Quảng Đông TX. Thuận An và nghĩa trang Triệu Châu TX. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở TX. Thuận An và Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên

Mã số thuế: 1601542143; Địa chỉ: Khóm Tây Huệ 1, P.Mỹ Hòa, Tp.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Phú Hưng Viên

Mã số thuế: 1300982599; Địa chỉ: Ấp Phú Thành (TĐ số 663, TĐ số 13), Phú Hưng, Tp.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu

Mã số thuế: 3603408436; Địa chỉ: Số AA1.AA2 đường 768, ấp Bình Phước, xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty có các chi nhánh trực thuộc

- Nhà nghỉ Hương Tràm 1: Số 87A Đường ĐT745, Khu Phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 2: Lô C5, Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thủ Dầu I, Tỉnh Bình Dương;
- Nghia Trang Lái Thiêu: 2C/2D Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Nghia Trang Dĩ An: Khu phố Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa Hàng Tự Lực: Số 2C/2E Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hoà, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Trạm Bơm Nước Lái Thiêu: Số 1A Phan Đình Phùng, Khu phố chợ, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Dĩ An: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, tổ 1, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương;
- Nhà nghỉ Hương Tràm 3: Số 133/1A Khu phố Đông An, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 4: Phường Tân Định, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí gắn liền với đất hoặc nhà, hoặc một phần của nhà, hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá hoặc cả hai mà không phải để: i) sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm/dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc (ii) bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường;

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu;

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư khi các chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư hiện tại;

Bất động sản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ đi số khấu hao lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

Loại Bất động sản	Năm
Quyền sử dụng đất	10 - 20
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 06
Bất động sản khác	05 - 07

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền quản lý được xác định theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận tích lũy thuần của các công ty con sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc;

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá gốc đầu tư.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá;

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

a Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt tại quỹ	5.781.669.508	2.519.486.632
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	5.781.669.508	2.519.486.632
Tiền mặt tại Văn phòng công ty	978.953.707	974.431.054
Tiền mặt tại Cửa hàng Tự Lực	3.266.623.970	903.268.420
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 1	720.759	686.159
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 2		
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 4	2.029.169	3.127.069
Tiền mặt tại CHTL Tân Uyên	762.499.344	535.864.321
Tiền mặt tại Công ty con	770.842.559	102.109.609

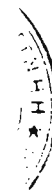
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tiền gửi ngân hàng VND	1.409.938.201	1.574.459.766
- Tiền gửi Ngân hàng tại văn phòng công ty	834.055.900	6.125.215
- Tiền gửi Ngân hàng tại Cửa hàng Tự Lực	189.330.730	100.270.683
- Tiền gửi Ngân hàng tại CHTL Tân Uyên	4.512.251	612.388.461
- Tiền gửi Ngân hàng (lưu ký chứng khoán)	2.477.215	2.395.055
- Ngân hàng Á Châu CN Long Xuyên (Cty Long Xuyên)	278.592.094	779.100.939
- Ngân hàng Vietinbank CN BD (Cty Phú Hưng Viên)	27.901.879	74.179.413
- Ngân hàng Vietinbank CN BD (Cty Vĩnh Cửu)	73.068.132	
Tổng cộng	7.191.607.709	4.093.946.398
b Các khoản tương đương tiền	3.200.000.000	9.945.580.556
- NH TMCP Công Thương Việt Nam	3.200.000.000	8.639.766.667
Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Á Châu - CN Bình Dương	-	1.305.813.889

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Phải thu khách hàng	31/12/2016	01/01/2016
a Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Nước Lái Thiêu	25.480.650	3.627.700
- Các khách hàng của Cửa hàng Tự Lực	2.568.681.700	2.562.952.800
- Công ty TNHH TM XNK may Tân Thiên Mã	212.565.292	212.565.292
- Khách sạn Hương Tràm 2	32.078.000	32.078.000
- CHTL Tân Uyên	1.873.698.000	1.037.155.000
- Cơ sở Mai Táng	55.538.521	55.538.521
- Các khách hàng chăm sóc mộ Nghĩa Trang Dĩ An	826.705.000	683.050.000
- Công ty Thiết bị Công nghiệp Việt - HT	96.852.039	51.482.902
- Đài hỏa táng	51.165.106	158.505.000
- Công ty TNHH BĐS An Phú Gia	307.640.000	2.307.640.000
- Đoàn Thị Kim Giang	36.000.000	9.000.000
- Trần Minh Khanh	1.191.722	697.320
- Các khách hàng của Chi nhánh Nghĩa trang Dĩ An	263.969.811	
- Công ty TNHH Điện tử Foster (Việt Nam)	358.337.100	
- Các khách hàng khác	34.830.000	
- Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang		62.370.000
- Nguyễn Minh Đức	75.000.000	-
- Huỳnh Văn Đông	66.900.000	-
- Cty CP Bệnh Viện Phụ Sản Vương Tròn	5.250.000	5.250.000
- Đỗ Thị Anh Đào	9.600.000	19.200.000
- Huỳnh Thanh Thuý	10.666.666	21.333.333
- Nguyễn Trọng Nhân		60.000.000
- Nguyễn Thanh Thắm	9.950.000	19.900.000
- Nguyễn Tấn Tạo		131.200.000
- Nguyễn Văn Thành	7.000.000	9.500.000
- Thiệu Quang Liêm	7.000.000	7.000.000
- Trần Thị Thu Trang		19.000.000
- Trương Thảo Vi		19.900.000
- Trần Văn Hương	36.000.000	36.000.000
- Trần Thị Hồng Chiến	66.000.000	-
- Võ Đăng Dinh	12.000.000	-
Tổng cộng	7.050.099.607	7.524.945.868

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Trả trước cho người bán	31/12/2016	01/01/2016
- Công ty CP Tư vấn & XD Tổng hợp Bình Dương	67.500.000	67.500.000
- Nguyễn Văn Nghĩa		-
- Công ty TNHH Kiểm Toán Thái Bình Dương	16.500.000	16.500.000
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt		-
- Đỗ Ngọc Trúc		-
- Lê Minh Tâm		90.000.000
- Công ty TNHH TMDV Triệu Quang		-
- Cửa hàng Tự Lực (*)	2.168.261.867	7.374.824.390
- Cửa hàng Tự lực Tân Uyên (**)		601.396.525
- Công ty TNHH Giấy In Liên Sơn		20.680.000
- Công ty CP Công nghệ Môi trường xanh		-
- Trần Hoà Bình	6.800.000	10.000.000
- Lê Minh Tâm	70.000.000	50.000.000
- Luân Vĩnh Thái	138.862.000	138.862.000
- Công ty TNHH XD TM Thành Ngô	179.120.700	179.120.700
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	8.250.000	8.250.000
- Trung Thành		-
- TT Quan trắc Tài nguyên Môi trường Long Xuyên	27.000.000	22.800.000
- Trung tâm quan trắc môi trường - Bến Tre	17.736.000	17.736.000
- Công ty TNHH TV Kiến trúc & Trang trí nội thất ID	70.000.000	
Tổng cộng	2.770.030.567	8.597.669.615

Chi tiết công nợ của các Cửa hàng trực thuộc Chi nhánh Công ty bao gồm các nhà cung cấp tại ngày 31/12/2016 như sau:

(*) Cửa hàng Tự Lực	2.168.261.867	7.374.824.390
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	1.948.546.216	6.659.925.499
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	219.715.651	714.898.891
(**) Cửa hàng Tự lực Tân Uyên	-	601.396.525
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam		440.531.657
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi		160.864.868
+ Tự lực Thuận An		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
- Ông Phạm Hoài Nam	1.916.857		1.916.857	
- Phan Thanh Giảng			5.764.623	
- Đất Bình chuẩn	1.850.000		1.850.000	
- Trần Đại Nghĩa			5.000.000	
- Cty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt-HT	7.043.600		11.700	
- Hợp tác xã DV TM Tổng hợp Môi trường Vĩnh Cửu	1.100.000.000			
- Tạm ứng nhân viên	8.060.033.196		2.009.750.129	
- Ký cược, ký quỹ;	409.740.000			
- Phải thu khác			28.263.938	
- Hợp tác xã DV TM Tổng hợp Môi trường Vĩnh Cửu	40.000.000			
Tổng cộng	9.620.583.653		2.052.557.247	
b Dài hạn				
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ (*)	3.427.256.000		2.314.386.000	
- Ký cược, ký quỹ; (Công ty Long Xuyên)	356.250.000			
Tổng cộng	3.783.506.000	-	2.314.386.000	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tiền ký quỹ, ký cược là các khoản tiền đặt cọc vỏ chai cho Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam với số tiền 3.425.636.000 đồng. Trong đó, tại Cửa hàng Tự Lực số tiền 3.214.901.000 đồng và Cửa hàng Tự lực Tân Uyên số tiền: 210.735.000 đồng.

6. Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	897.037.462		1.123.261.337	
Công cụ, dụng cụ	177.452.000		305.971.092	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	290.261.044		282.053.438	
Thành phẩm	49.826.961.496		49.943.798.229	
Hàng hoá	12.203.715.220		3.124.320.304	
Hàng gửi đi bán	83.959.050		30.893.882	
Tổng cộng	63.479.386.272	-	54.810.298.282	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Chi phí trả trước	01/01/2016	Tăng	Kết chuyển chi phí	31/12/2016
a Chi phí trả trước ngắn hạn	113.845.281	763.953.312	501.182.659	376.615.934
Tổng cộng	113.845.281	763.953.312	501.182.659	376.615.934
b Chi phí trả trước dài hạn	01/01/2016	Tăng	Kết chuyển chi phí	31/12/2016
	788.573.669	1.241.720.517	623.368.483	1.406.925.703
Tổng cộng	788.573.669	1.241.720.517	623.368.483	1.406.925.703

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2016	19.200.768.533	6.207.285.062	5.542.351.603	-	983.604.687	31.934.009.885
- Mua trong năm	1.577.977.428		1.132.937.818	-		2.710.915.246
- Thanh lý, nhượng bán						-
Số dư 31/12/2016	20.778.745.961	6.207.285.062	6.675.289.421	-	983.604.687	34.644.925.131
Khấu hao lũy kế						
Số dư 01/01/2016	8.256.067.797	4.981.278.923	4.095.025.118	-	129.449.011	17.461.820.849
- Khấu hao trong năm	659.218.039	316.080.338	562.850.391	-	146.571.660	1.684.720.428
- Thanh lý, nhượng bán						-
Số dư 31/12/2016	8.915.285.836	5.297.359.261	4.657.875.509	-	276.020.671	19.146.541.277
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2016	10.944.700.736	1.226.006.139	1.447.326.485	-	854.155.676	14.472.189.036
Số dư 31/12/2016	11.863.460.125	909.925.801	2.017.413.912	-	707.584.016	15.498.383.854

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4.130.776.421
Máy móc thiết bị	4.104.726.562
PTVTài, truyền dẫn	2.902.239.150
Tổng cộng	11.137.742.133

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Số dư 01/01/2016	10.078.231.700			-		10.078.231.700
- Mua trong năm						-
Số dư 31/12/2016	10.078.231.700	-	-	-	-	10.078.231.700
Khấu hao lũy kế						
Số dư 01/01/2016	2.544.242.122			-	-	2.544.242.122
- Khấu hao trong năm	458.304.504			-	-	458.304.504
Số dư 31/12/2016	3.002.546.626	-	-	-	-	3.002.546.626
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2016	7.533.989.578	-	-	-	-	7.533.989.578
Số dư 31/12/2016	7.075.685.074	-	-	-	-	7.075.685.074



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Khác	Tổng cộng
Số dư 01/01/2016	18.631.287.200				-	18.631.287.200
- Mua trong năm						-
- Giảm trong năm						-
Số dư 31/12/2016	18.631.287.200	-	-	-	-	18.631.287.200
Khấu hao lũy kế						
Số dư 01/01/2016					-	-
- Khấu hao trong năm	-				-	-
Số dư 31/12/2016	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2016	18.631.287.200	-	-	-	-	18.631.287.200
Số dư 31/12/2016	18.631.287.200	-	-	-	-	18.631.287.200

Quyền sử dụng đất bao gồm:

Thửa đất	Người đứng tên	Số tiền	Thời gian sử dụng
QSD đất tại Thị Trấn An Thạnh (*)	Lê Hữu Nghĩa	3.821.260.000	Đến 12/2023
QSD đất Mỹ Phước 3 (**)	Trần Danh, Nguyễn Tấn Đạt	542.700.000	Không thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư (tiếp theo)

QSD đất Thạnh Bình (***)	Lê Hữu Nghĩa	1.061.820.000	Từ 04/12/09 đến 03/05/20
QSD đất KDC Chánh Nghĩa (E5-Ô14,15,16)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	4.592.000.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô67)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	2.486.707.200	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô7)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô8)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.739.600.000	Không thời hạn
QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô9)	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	1.793.600.000	Không thời hạn
QSD đất Tân Uyên, Bình Dương	Cty CP Xây dựng và DV Công Cộng Bình Dương	800.000.000	Không thời hạn

Tổng cộng

18.631.287.200

(*) Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thị Trấn An Thạnh theo Giấy Ủy quyền số 07/TGD-UQ ngày 28/01/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

(**) Ông Nguyễn Tấn Đạt được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KDC Mỹ Phước 3 theo Giấy Ủy quyền số 49/TGD-UQ ngày 27/06/2008 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

(***) Ông Lê Hữu Nghĩa được ủy quyền đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thạnh Bình theo Giấy Ủy quyền số 298A/TGD-UQ ngày 20/10/2009 với thời hạn ủy quyền khi công ty có nhu cầu thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Xây dựng cơ bản dở dang	200.429.876	200.429.876	15.702.082	15.702.082
Xây dựng cơ bản - sửa chữa		-	109.640.000	109.640.000
Xây dựng cơ bản - sửa lò hòa tắng	339.316.456	339.316.456	1.957.856	1.957.856
Tổng cộng	539.746.332	539.746.332	127.299.938	127.299.938

12. Phải trả người bán

<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Nghĩa Trang Dĩ An	76.598.000	76.598.000	64.882.000	64.882.000
- Nghĩa Trang Lái Thiêu	24.645.900	24.645.900	21.594.700	21.594.700
- Cty TNHH MTV Thương mại Sắt thép Lộc Phước An		-	-	-
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt - HT	133.679.050	133.679.050	101.218.700	101.218.700
- Cửa hàng tự lực Tân Uyên		-	-	-
- Nguyễn Thị Kim Thủy	11.580.520	11.580.520	47.580.520	47.580.520
- Công ty TNHH SX TM DV Dũng Thịnh Phát	25.571.000			
- Cty TNHH MTV TM XNK Tiến Thịnh Phát	47.159.200			
- Nguyễn Thị Thảo Trang	32.522.741			
- Công ty TNHH MTV Mạnh - Mạnh Hùng	1.636.364			
- Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	211.937.847			
- Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	232.836.612			
- DNTN Nguyễn Dur		-	-	-
- Công ty TNHH Thanh Tiên		-	141.903.600	141.903.600
- DNTN Tâm Liễu	8.625.001	8.625.001	-	-
- Công ty CP Xây dựng Giao thông Thủy Lợi Bình Dương		-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Công ty TNHH Nông nghiệp TM-DV Tử Long Phát	-	-	-	-
- Công ty TNHH TV Kiến Trúc & TT Nội Thất ID	-	29.508.000		29.508.000
- Phạm Văn Nam	-	3.696.000		3.696.000
- Khách hàng khác	-	2.770.000		2.770.000
Tổng cộng	806.792.235	255.128.471	413.153.520	413.153.520
13. Người mua trả tiền trước			31/12/2016	01/01/2016
- Tiền Thiết kế sửa chữa nhà phố			7.000.000	7.000.000
- Ứng trước các khách hàng Cửa hàng Tự Lực			2.129.245.000	801.923.000
- Trần Văn Phúc				200.000
- Mã Ngọc Nga				10.000.000
- Bùi Quang Sang			8.000.000	
- Khách hàng khác			1.053.000	2.229.000
Tổng cộng			2.145.298.000	821.352.000
14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước				
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2016
Thuế GTGT	364.151.802	540.696.509	1.135.883.270	(231.034.959)
Thuế TNDN	624.766.259	3.609.543.464	3.638.874.727	595.434.996
Thuế TNCN	215.150.092	1.127.455.106	1.025.670.220	316.934.978
Thuế tài nguyên	831.150	4.035.600	4.866.750	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	222.613.239	222.613.239	-
Thuế môn bài		20.500.000	21.000.000	(500.000)
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	143.873.100	563.762.500	599.033.000	108.602.600
Tổng cộng	-	1.348.772.403	6.647.941.206	789.437.615

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (tiếp theo)

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Thuế GTGT	231.034.959	-
Thuế TNDN	46.003.043	
Thuế môn bài	500.000	-
Tổng cộng	<u>277.538.002</u>	-

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Thuế GTGT		364.151.802
Thuế TNDN	641.438.039	624.766.259
Thuế TNCN	316.934.978	215.150.092
Thuế tài nguyên	-	831.150
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	108.602.600	143.873.100
Tổng cộng	<u>1.066.975.617</u>	<u>1.348.772.403</u>

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

15. Phải trả công nhân viên

- Lương công nhân viên

Tổng cộng

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Lương công nhân viên	2.601.670.636	2.551.650.673
Tổng cộng	<u>2.601.670.636</u>	<u>2.551.650.673</u>

16. Chi phí phải trả

- Chi phí phải trả ngắn hạn (*)

Tổng cộng

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	668.440.000	450.000.000
Tổng cộng	<u>668.440.000</u>	<u>450.000.000</u>

(*) Là khoản lãi trái phiếu phải trả cho các trái chủ với tổng mệnh giá là 20.000.000.000 đồng, lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3,2%.

Kỳ hạn trả lãi: cuối mỗi 06 tháng trả một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016	01/01/2016
17. Doanh thu chưa thực hiện		
a Ngắn hạn		
- Doanh Thu nhận trước: MB HT2_Vietnammobile	34.545.456	34.545.456
- Doanh Thu nhận trước: MB xay bột đất_NTLTB	7.134.546	7.061.818
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu	1.352.303.869	-
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Nghĩa trang Dĩ An	864.450.000	-
- Các khoản tiền nhận trước chăm sóc mộ tại Nghĩa Trang LX	50.959.310	-
Tổng cộng	2.309.393.181	41.607.274
b Dài hạn		
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu	4.973.911.150	4.829.555.153
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Nghĩa trang Dĩ An		745.350.000
- Các khoản tiền nhận trước chăm sóc mộ tại Nghĩa Trang LX	2.477.755.933	1.428.036.825
Tổng cộng	7.451.667.083	7.002.941.978
18. Phải trả khác	31/12/2016	01/01/2016
a Phải trả ngắn hạn khác		
- Bảo hiểm Xã hội nghỉ dưỡng sức, thai sản	16.500.000	16.500.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (Cửa hàng tự Lực)	398.422.300	338.026.800
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (CHTL Tân Uyên)	104.317.000	98.379.000
- Phải trả Cửa hàng tự Lực	178.891.200	230.426.979
- Cty CP Đầu Tư Phú Hưng Viên		
- Cty CP Đầu Tư Hoa Viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên		
- Kinh phí công đoàn	6.207.780	2.671.325
- Bảo hiểm y tế	323.000	323.000
- Cán bộ công nhân viên	9.300.000	8.400.000
- Hoa hồng	24.700.000	12.100.000
- Phụ cấp độc hại	2.356.169	2.011.100
- Ủy ban nhân dân Thành phố Long Xuyên (*)		1.000.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.911.394	801.600
- Phải trả khác - vật tư xây mộ	18.425.461	
Tổng cộng	761.354.304	1.709.639.804

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016	01/01/2016		
b Phải trả dài hạn khác				
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	239.518.400	223.243.400		
Tổng cộng	239.518.400	223.243.400		
Chủ yếu bao gồm:				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Thuận An - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐ.CT ngày 14/6/2007	66.000.000	66.000.000		
- Công ty TNHH May TM -XNK Tân Thiên Mã - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐ.CT ngày 14/6/2007	16.778.400	16.778.400		
- Nguyễn Đức Dân		-		
- Phạm Ngọc Đức	12.000.000	12.000.000		
- Các khoản thế chấp thuê đất	144.740.000	128.465.000		
19. Dự phòng phải trả	31/12/2016	01/01/2016		
Ngắn hạn				
- Dự phòng vỡ chai bia	12.000.000	12.000.000		
Tổng cộng	12.000.000	12.000.000		
20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Quỹ khen thưởng	-	1.500.000.000	1.488.338.000	11.662.000
Quỹ phúc lợi	43.036.572	295.737.259	60.200.000	278.573.831
Quỹ ban điều hành công ty		144.111.596	144.111.596	-
Tổng cộng	43.036.572	1.939.848.855	1.692.649.596	290.235.831

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

21. Vay và nợ thuê tài chính

a Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	01/01/2016		2016		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
- Vay và nợ dài hạn (*)	20.000.000.000	20.000.000.000			20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Là khoản nợ phát hành trái phiếu theo Hợp đồng tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu riêng lẻ số : 77A/2016/H ĐTV/PH-BLPH ngày 24 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất với nội dung như sau:

Tên trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ

Mã trái phiếu: BPS-B2016

Hình thức trái phiếu: Chứng chỉ vật chất

Lãi suất trái phiếu: lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng lãi suất huy động bằng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3,2%.

Kỳ hạn trả lãi: 06 tháng trả một lần

Mệnh giá trái phiếu: 200.000.000 đồng/01 trái phiếu

Tổng số phiếu chào bán: 100 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu chào bán: 20.000.000.000 đồng

Kỳ hạn trái phiếu: 05 năm

Thời điểm phát hành: Quý III/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư 01/01/2015	54.000.000.000			13.579.673.100	19.515.255.814		87.094.928.914
Tăng vốn năm trước		-		1.951.101.460			1.951.101.460
Giảm vốn năm trước							
Lãi trong năm trước					17.957.372.594		17.957.372.594
Chuyển tăng vốn trong năm							-
Trích quỹ từ LN sau thuế				-	(3.251.835.767)		(3.251.835.767)
Giảm khác							-
Số dư 31/12/2015	54.000.000.000	-	-	15.530.774.560	34.220.792.641	-	103.751.567.201
Tăng vốn năm nay	5.400.000.000			1.795.737.259			7.195.737.259
Giảm vốn năm nay	-						-
Lãi trong năm					15.599.308.693		15.599.308.693
Tăng vốn chủ sở hữu					(5.400.000.000)		(5.400.000.000)
Chia cổ tức					(8.100.000.000)		(8.100.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ					-		-
Trích quỹ từ LN sau thuế					(3.735.586.111)		(3.735.586.111)
Giảm khác		-			(37.153.052)		(37.153.052)
Số dư 31/12/2016	59.400.000.000	-	-	17.326.511.819	32.547.362.171	-	109.273.873.990

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của nhà nước

- Vốn góp của các đối tượng khác

Trong đó

- Do pháp nhân nắm giữ

- Do cá nhân nắm giữ

Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Tổng công ty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)

- Ông Trần Danh

- Ông Lê Hữu Nghĩa

- Các cổ đông khác

Tổng cộng

31/12/2016

01/01/2016

59.400.000.000

54.000.000.000

17.820.000.000

16.200.000.000

41.580.000.000

37.800.000.000

Số tiền

%

17.820.000.000

30%

10.153.420.000

17%

6.392.160.000

11%

25.034.420.000

42%

59.400.000.000

100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

2016

2015

54.000.000.000

54.000.000.000

5.400.000.000

-

-

-

59.400.000.000

54.000.000.000

8.100.000.000

-

d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

31/12/2016

01/01/2016

-

-

5.940.000

5.400.000

5.940.000

5.400.000

e. Quỹ đầu tư phát triển

Số dư 01/01/2016

Tăng do chuyển từ quỹ dự phòng tài chính

Tăng từ trích LNST

Giảm trong năm

Số dư 31/12/2016

2016

2015

15.530.774.560

13.579.673.100

-

1.951.101.460

1.795.737.259

-

-

-

17.326.511.819

15.530.774.560

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.780.890.193	340.510.964.464
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng		
+ Doanh Thu xây mộ Nghĩa Trang Lái Thiêu	3.320.238.135	3.139.014.724
+ Doanh Thu xây mộ Nghĩa Trang Dĩ An	2.405.200.000	2.641.400.000
+ Doanh Thu bán hàng Cửa hàng tự Lực	377.324.156.066	245.667.887.832
+ Doanh Thu bán hàng CHTL Tân Uyên	84.160.988.548	45.208.612.486
+ Doanh Thu bán hàng khác		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.404.309.181	30.065.251.019
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.127.302.731	9.599.009.905
Doanh thu Công ty con Long Xuyên	5.038.695.532	4.189.788.498
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.780.890.193	340.510.964.464
02. Giá vốn hàng bán	2016	2015
Giá vốn bán hàng Cơ Sở Mai Tàng		
Giá vốn xây mộ Nghĩa Trang Lái Thiêu	2.112.336.678	2.043.434.979
Giá vốn xây mộ Nghĩa Trang Dĩ An	1.807.326.229	1.629.032.600
Giá vốn bán hàng Cửa hàng Tự Lực	371.477.849.524	241.526.731.546
Giá vốn bán hàng CHTL Tân Uyên	82.818.203.499	44.478.021.675
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.543.001.586	14.329.353.654
Giá vốn Công ty con Long Xuyên	1.707.778.238	1.682.237.528
Tổng cộng	476.466.495.754	305.688.811.982
03. Doanh thu hoạt động tài chính	2016	2015
Lãi tiền gửi	270.468.961	132.641.827
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.800.000	85.050.000
Doanh thu bán cổ phiếu	700.990.000	
Tổng cộng	1.102.258.961	217.691.827

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	2016	2015
04. Chi phí tài chính		
Dự phòng giảm giá đầu tư		
Lãi trái phiếu	1.781.304.388	1.945.571.726
Chi phí giá vốn cổ phiếu		
Hoàn nhập dự phòng cổ phiếu	55.000.000	(135.000.000)
Chi phí lãi vay		
Hoa hồng bán đất		188.152.800
Chi phí tài chính khác	7.000.000	4.964.850
Tổng cộng	1.843.304.388	2.003.689.376
05. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.798.742.228	2.017.357.822
Chi phí khấu hao tài sản cố định	355.621.187	283.560.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.555.115	46.914.906
Chi phí bằng tiền khác	1.020.206.397	1.013.628.385
Tổng cộng	4.230.124.927	3.361.461.767
06. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	5.573.530.555	4.302.028.035
Chi phí vật liệu quản lý	97.082.427	91.093.546
Chi phí đồ dùng văn phòng	368.777.500	397.185.624
Chi phí khấu hao tài sản cố định	466.678.632	444.247.466
Thuế, phí và lệ phí	113.871.687	106.274.151
Chi phí dự phòng	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.618.647	292.248.319
Chi phí bằng tiền khác	3.276.701.098	2.460.557.610
Tổng cộng	10.233.260.546	8.063.634.751
07. Thu nhập khác		
Các khoản thu nhập khác	1.583.758.664	1.622.754.048
Tổng cộng	1.583.758.664	1.622.754.048
<i>Các khoản thu nhập khác chiếm đa số là các khoản thu tiền hoa hồng bán hàng bia cho Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam.</i>		
08. Chi phí khác		
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	388.125.000	388.125.000
Chi phí khác	96.745.046	164.821.767
Tổng cộng	484.870.046	552.946.767

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

09. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2016	2015
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.208.852.157	22.680.865.696
Cộng các khoản chi phí không được trừ	781.702.665	590.395.239
Thu nhập không chịu thuế tính thuế	130.800.000	85.050.000
Lỗ Công ty con không tính thuế	(2.209.402)	(84.577)
Chuyển lỗ các năm trước	(292.775.115)	(117.813.617)
Thu nhập tính thuế	19.564.770.305	23.068.481.895
- Thu nhập tính thuế 10%	3.819.193.568	3.562.644.533
- Thu nhập tính thuế 20%	1.128.376.597	472.153.557
- Thu nhập tính thuế 20%	14.617.200.140	19.033.683.805
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.609.543.464	4.723.493.102

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	2016	2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	459.848.901.186	291.894.895.543
Chi phí nhân công;	14.688.179.631	12.204.768.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	2.153.809.084	2.166.583.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	1.435.615.279	1.276.271.280
Chi phí khác bằng tiền.	14.643.680.435	11.522.306.880
Tổng cộng	492.770.185.615	319.064.825.536

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	2016	2015
- Tặng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế	5.400.000.000	-
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	20.000.000.000	
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	20.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.391.607.709		14.039.526.954	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	20.454.189.260	(52.898.100)	11.891.889.115	(52.898.100)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	2.960.010.000	(55.000.000)	3.022.510.000	(120.000.000)
Tổng cộng	33.805.806.969	(107.898.100)	28.953.926.069	(172.898.100)

Công nợ tài chính

	31/12/2016	01/01/2016
Phải trả người bán, phải trả khác	1.807.664.939	2.346.036.724
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí phải trả	668.440.000	450.000.000
Dự phòng phải trả	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng	22.488.104.939	22.808.036.724

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả cho các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hoá danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Đối với Công ty Ban giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2016	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.391.607.709		10.391.607.709
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	16.617.785.160	3.783.506.000	20.401.291.160
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn		2.905.010.000	2.905.010.000
Tổng cộng	27.009.392.869	6.688.516.000	33.697.908.869
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán, phải trả khác	1.568.146.539	239.518.400	1.807.664.939
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí phải trả	668.440.000		668.440.000
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
Tổng cộng	2.236.586.539	20.239.518.400	22.488.104.939
Chênh lệch thanh khoản thuần	24.772.806.330	(13.551.002.400)	11.209.803.930
Tại ngày 01/01/2016			
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.039.526.954		14.039.526.954
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	9.524.605.015	2.314.386.000	11.838.991.015
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn		2.902.510.000	2.902.510.000
Tổng cộng	23.564.131.969	5.216.896.000	28.781.027.969

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	2.122.793.324	223.243.400	2.346.036.724
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí phải trả	450.000.000		450.000.000
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
Tổng cộng	2.584.793.324	20.223.243.400	22.808.036.724
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.979.338.645	(15.006.347.400)	5.972.991.245

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2016 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 27 tháng 03 năm 2017

Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Đông Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng

Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG (BPS)

91 Thích Quảng Đức - P. Phú Hòa - TP. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương.
ĐT-Fax: 0650.3821983 - MST: 3700149145

Hỏa tốc



HỎA TỐC



Kính gửi : Chi nhánh địa phương Nam Tổng công ty đầu tư và kinh doanh

Ab. Trưng Đình, phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

(Số: kê vào đây)

.....